

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9 - 2019.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Anh Trinh,
2. Ông Lê Văn Đặng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đức, Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Phúc L, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 14 tháng 3 năm 2019, được bổ sung tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Phúc L tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Q vào ngày 11/7/2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ Chị ở thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, đến năm 2004 thì vợ chồng làm nhà ra ở riêng cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chồng Chị có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị góp ý nhưng anh L không nghe nên dẫn đến cãi vã to tiếng, anh L đánh đập, xúc phạm Chị nhiều lần, phá tán tài sản trong gia

đình. Vợ chồng sống ly thân hơn hai năm nay, nhiều lần Chị đã động viên, góp ý nhưng anh L không thay đổi. Hiện nay, Chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể trở lại sống chung sống cùng nhau được nữa nên Chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên là Trần Phúc P, sinh ngày 14/01/2001; cháu Trần Nguyễn Ngọc N, sinh 04/5/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của Chị xin được nuôi cháu Trần Nguyễn Ngọc N và yêu cầu anh L đóng góp tiền nuôi con chung hàng tháng cùng Chị là 1.000.000 đồng, nếu anh L không cấp dưỡng tiền nuôi con Chị cũng không có ý kiến gì. Cháu Trần Phúc P đã trên 18 tuổi, muốn ở với ai thì tùy con, Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4, công trình phụ đã hoàn thiện vào năm 2005, nhà làm trên thửa đất số 123b, tờ bản đồ số 04, diện tích 154m² được UBND huyện Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 967067 mang tên Trần Phúc L và Nguyễn Thị H vị trí thửa đất tại xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng còn nợ Quỹ hỗ trợ phát triển tỉnh Quảng Bình, Chi nhánh huyện Q số tiền 16.512.000 đồng; nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q số tiền 12.000.000 đồng, Chị đề nghị nhà đất để lại cho con, còn nợ chia đôi mỗi người có trách nhiệm trả một nửa. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị H rút yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 07/5/2019, Bị đơn anh Trần Phúc L nhận được Giấy triệu tập và đến Tòa án giải quyết vụ án, sau khi Tòa án lấy lời khai xong nhưng anh L không ký vào Biên bản lấy lời khai mà tự ý bỏ về, Tòa án đã lập biên bản sự việc. Trong những lần Tòa án triệu tập tiếp theo, để tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh L đều vắng mặt không có lý do. Trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Phúc L trình bày: Anh và chị H tìm hiểu và lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã G vào năm 2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ chị H tại thôn B, xã G được 04 năm thì làm nhà ở riêng. Quá trình sống chung, vợ chồng vẫn hòa thuận, hạnh phúc, lý do chị H xin ly hôn Anh do chị H nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng gây gỗ, cãi vã nhau. Vợ chồng đang sống chung trong một nhà nhưng ai tự lo bản thân người đó, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn Anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên là Trần Phúc P, sinh ngày 14/01/2001 và Trần Nguyễn Ngọc N, sinh 04/5/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của Anh là xin được nuôi cháu Trần Nguyễn Ngọc N và không yêu cầu chị Huệ đóng góp tiền nuôi con chung. Cháu Trần Phúc P đã trên 18 tuổi, muốn ở với ai thì tùy con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4, công trình phụ đã hoàn thiện vào năm 2005, nhà làm trên thửa đất số 123b, tờ bản đồ số 04, diện tích 154m² được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 967067 mang tên Trần Phúc L và Nguyễn Thị H vị trí thửa đất tại xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình và một số tài sản khác. Vợ chồng còn nợ Quỹ hỗ trợ

phát triển tỉnh Quảng Bình, Chi nhánh huyện Q số tiền 16.512.000 đồng; nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q số tiền 12.000.000 đồng. Nếu giải quyết ly hôn, anh L đề nghị chia đôi nhà đất, nếu chị H ở thì trả tiền giá trị tài sản cho Anh, còn số nợ chung mỗi người có trách nhiệm trả một nửa. Nếu Tòa án không giải quyết trong vụ án này, sau này anh sẽ yêu cầu giải quyết vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 48, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình; đương sự thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn bị đơn là có cơ sở cần được chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị H được ly hôn anh L. Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử giao cháu N cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh L cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Về chia tài sản chung: Chị H đã rút yêu cầu việc giải quyết tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ việc giải quyết yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại thôn B, xã G, huyện Q, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Phúc L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh Chị là hợp pháp. Lẽ ra vợ chồng phải biết thương yêu, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau và cùng nhau làm ăn để xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng do anh L theo người phụ nữ khác, về đánh đập, chửi bới, phá tán tài sản trong gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng đã sống ly thân hơn hai năm nay, mặc dù ở trong cùng một nhà nhưng không quan tâm nhau. Tại phiên tòa, chị H anh L đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh, Chị được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống riêng của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1

Điều 5, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huệ.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên là Trần Phúc P, sinh ngày 14/01/2001; cháu Trần Nguyễn Ngọc N, sinh 04/5/2013. Anh L, chị H đều có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Nguyễn Ngọc N thể hiện trách nhiệm của bố mẹ đối với con cái. Xét thấy, cháu N đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc gần gũi của người mẹ, anh L đi làm ăn ít có thời gian chăm sóc con cái hơn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu N cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83, 84, 107 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị H yêu cầu để lại tài sản là 01 ngôi nhà cấp 4, công trình phụ đã hoàn thiện vào năm 2005, nhà làm trên thửa đất số 123b, tờ bản đồ số 04, diện tích 154m² được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 967067 mang tên Trần Phúc L và Nguyễn Thị H vị trí thửa đất tại xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình cho các con, nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q số tiền 12.000.000 đồng và Quỹ hỗ trợ phát triển Phụ nữ tỉnh Quảng Bình, Chi nhánh huyện Q số tiền 16.512.000 đồng mỗi người có trách nhiệm trả một nửa. Ngày 28 tháng 5 năm 2019 và tại phiên tòa, chị H đã rút yêu cầu phân chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Phúc L yêu cầu giải quyết chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, căn cứ Điều 5, Điều 70, khoản 1 Điều 71, khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều 210, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Sau này, nếu có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn, anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại tiền tạm ứng án phí tài sản chị Huệ đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Phúc L.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình. Xử giao cháu Trần Nguyễn Ngọc N, sinh 04/5/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Phúc L có trách nhiệm

cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu N trưởng thành (tròn 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 01 ngôi nhà cấp 4, công trình phụ đã hoàn thiện vào năm 2005, nhà làm trên thửa đất số 123b, tờ bản đồ số 04, diện tích 154m² được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 967067 mang tên Trần Phúc L và Nguyễn Thị H, vị trí thửa đất tại xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q số tiền 12.000.000 đồng, Quỹ hỗ trợ phát triển Phụ nữ tỉnh Quảng Bình, Chi nhánh huyện Q số tiền 16.512.000 đồng. Các đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp, trả lại cho chị H 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2017/0004728, ngày 16 tháng 4 năm 2019. Anh Trần Phúc L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã G;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

